

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG TÈ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TCCB

Mường Tè, ngày tháng 3 năm 2023

Về việc điều chỉnh bổ sung  
chỉ tiêu tuyển dụng viên chức  
năm 2023

Kính gửi:

- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù của tỉnh Lai Châu năm 2023; giao bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022-2023 hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 383-TB/HU ngày 30/12/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy Mường Tè tại hội nghị ngày 30/12/2022; Thông báo số 393-TB/HU ngày 17/02/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy Mường Tè tại hội nghị ngày 17/02/2023;

Ngày 01/02/2023, Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè đã ban hành Kế hoạch số 120/KH-UBND về việc tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè năm 2023. Tuy nhiên, để đảm bảo cơ cấu, số lượng giáo viên giảng dạy bậc THCS, bậc THPT (giảng dạy tại Trung tâm GDNN-GDTX huyện), Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2023 tại Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 01/02/2023, cụ thể như sau:

**1.** Tổng chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2023 trước khi bổ sung là: 76 chỉ tiêu.

**2.** Bổ sung 13 chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2023, cụ thể: 05 chỉ tiêu Giáo viên THCS môn Toán học; 01 chỉ tiêu Giáo viên THCS môn Hóa học; 02 chỉ tiêu Giáo viên THCS môn Giáo dục thể chất; 01 chỉ tiêu Giáo viên dạy nghề (Nông nghiệp, lâm nghiệp, trồng trọt); 01 chỉ tiêu Giáo viên dạy nghề (Chăn nuôi và thú y); 01 chỉ tiêu Giáo viên THPT môn Toán học; 01 chỉ tiêu Giáo viên THPT môn Hóa học; 01 chỉ tiêu Giáo viên THPT môn Địa lý.

**3. Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2023 sau khi điều chỉnh bổ sung so với Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 01/02/2023 là: 89 chỉ tiêu. Cụ thể:**

| Stt         | Vị trí việc làm tuyển dụng      | Hạng chức danh nghề nghiệp                     | Số lượng cần tuyển dụng | Yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển |   |
|-------------|---------------------------------|--|-------------------------|---------------------------------------|---|
|             |                                 |  |                         | Trình độ chuyên môn                   | Ngành, chuyên ngành   |
| <b>Tổng</b> |                                 |  | <b>89</b>               |                                       |   |
| <b>1</b>    | <b>Giáo viên Mầm non</b>        |  | <b>37</b>               |                                       |   |
| 1.1         | Giáo viên Mầm non               | Giáo viên mầm non hạng III - Mã số V.07.02.26  | 32                      | Cao đẳng trở lên                      | Sư phạm Mầm non, Giáo dục Mầm non, Nhà trẻ-Mẫu giáo, Mầm non  |
| 1.2         | Giáo viên dạy Tiếng Anh Mầm non | Giáo viên mầm non hạng III - Mã số V.07.02.26  | 5                       | Cao đẳng trở lên                      | Sư phạm Tiếng Anh; trường hợp có bằng Cao đẳng Tiếng Anh trở lên phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên mầm non theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành    |
| <b>2</b>    | <b>Giáo viên Tiểu học</b>       |  | <b>7</b>                |                                       |   |
| 2.1         | Giáo viên Tiếng Anh             | Giáo viên tiểu học hạng III - Mã số V.07.03.29 | 3                       | Đại học trở lên                       | Sư phạm Tiếng Anh. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành |
| 2.2         | Giáo viên Tin học               | Giáo viên tiểu học hạng III - Mã số V.07.03.29 | 2                       | Đại học trở lên                       | Sư phạm Tin học. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.  |
| 2.3         | Giáo viên Âm Nhạc               | Giáo viên tiểu học hạng III - Mã số V.07.03.29 | 1                       | Đại học trở lên                       | Sư phạm Âm nhạc. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.  |

|          |                                 |   |           |                 |   |
|----------|---------------------------------|---|-----------|-----------------|---|
| 2.4      | Giáo viên Mỹ thuật              | Giáo viên tiểu học hạng III - Mã số V.07.03.29        | 1         | Đại học trở lên | Sư phạm Mỹ thuật. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.   |
| <b>3</b> | <b>Giáo viên THCS</b>           |   | <b>38</b> |                 |   |
| 3.1      | Giáo viên môn Toán học          | Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32 | 8         | Đại học trở lên | Sư phạm Toán học, Sư phạm Toán-Lý, Sư phạm Toán-Tin. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. |
| 3.2      | Giáo viên môn Vật lý            | Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32 | 3         | Đại học trở lên | Sư phạm Vật lý, Sư phạm Toán-Lý. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.                     |
| 3.3      | Giáo viên môn Hóa học           | Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32 | 1         | Đại học trở lên | Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh-Hóa. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.                   |
| 3.4      | Giáo viên môn Sinh học          | Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32 | 1         | Đại học trở lên | Sư phạm Sinh học, Sư phạm Sinh-Hóa. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.                  |
| 3.5      | Giáo viên môn Giáo dục thể chất | Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32 | 2         | Đại học trở lên | Sư phạm Thể dục - Thể thao. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.                          |

|      |                         |   |   |                 |   |
|------|-------------------------|---|---|-----------------|---|
| 3.6  | Giáo viên môn Ngữ văn   | Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32 | 9 | Đại học trở lên | Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Văn-Sử, Sư phạm Văn-GDCD. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. |
| 3.7  | Giáo viên môn Lịch sử   | Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32 | 1 | Đại học trở lên | Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Văn-Sử. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.                   |
| 3.8  | Giáo viên môn Tiếng Anh | Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32 | 5 | Đại học trở lên | Sư phạm Tiếng Anh. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành                                  |
| 3.9  | Giáo viên môn Âm nhạc   | Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32 | 2 | Đại học trở lên | Sư phạm Âm nhạc. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.                                   |
| 3.10 | Giáo viên môn Mỹ thuật  | Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32 | 1 | Đại học trở lên | Sư phạm Mỹ thuật. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.                                  |
| 3.11 | Giáo viên môn Tin học   | Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số V.07.04.32 | 5 | Đại học trở lên | Sư phạm Tin học. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.                                   |

|     |  |  |   |                  |  |
|-----|--|--|---|------------------|--|
| 4   | Kế toán đơn vị sự nghiệp GD&ĐT                           | Kế toán viên trung cấp - Mã số 06.032                                | 2 | Cao đẳng trở lên | Kế toán, kiểm toán, tài chính  |
| 5   | <b>Giáo viên dạy tại Trung tâm GDNN-GDTX huyện</b>       |  | 5 |                  |  |
| 5.1 | Giáo viên môn Toán học                                   | Giáo viên trung học phổ thông hạng III - Mã số V.07.05.15            | 1 | Đại học trở lên  | Sư phạm Toán học, Sư phạm Toán-Lý, Sư phạm Toán-Tin. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.                  |
| 5.2 | Giáo viên môn Hóa học                                    | Giáo viên trung học phổ thông hạng III - Mã số V.07.05.15            | 1 | Đại học trở lên  | Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh-Hóa. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.                                    |
| 5.3 | Giáo viên THPT (dạy GDTX) môn Địa lí                     | Giáo viên trung học phổ thông hạng III - Mã số V.07.05.15            | 1 | Đại học trở lên  | Sư phạm Địa lí, Sư phạm Văn-Địa, Sư phạm Địa-Sử. Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.                      |
| 5.4 | Giáo viên dạy nghề (Nông nghiệp, Lâm nghiệp, trồng trọt) | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III, mã số: V.09.02.07 | 1 | Đại học trở lên  | Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Nông - Lâm nghiệp, Trồng trọt. Lưu ý: Thí sinh tham gia dự tuyển phải có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp hoặc tương đương trở lên |
| 5.5 | Giáo viên dạy nghề (Chăn nuôi và Thú y)                  | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III, mã số: V.09.02.07 | 1 | Đại học trở lên  | Chăn nuôi - Thú y, Lưu ý: Thí sinh tham gia dự tuyển phải có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp hoặc tương đương trở lên                                      |

Các nội dung khác không điều chỉnh bổ sung vẫn thực hiện theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 01/02/2023 của UBND huyện Mường Tè./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, PNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đào Văn Khánh**